

CHUYÊN GIA QUÂN SỰ LIÊN XÔ TRONG CHIẾN TRANH VIỆT NAM (1954-1975)

Nguyễn Thị Mai Hoa

Đại học Quốc gia Hà Nội

Trong chiến tranh, Hà Nội luôn nhận được sự giúp đỡ nhiều mặt, hiệu quả của Liên Xô. Ngoài ủng hộ chính trị, viện trợ kinh tế, phương tiện quân sự, Liên Xô còn cử sang Việt Nam một đội ngũ chuyên gia quân sự hùng hậu, có trình độ chuyên môn, tinh thần trách nhiệm cao. Tuy nhiên, vì những lý do khách quan, chủ quan, một thời gian dài, sự có mặt của chuyên gia quân sự Liên Xô ở Việt Nam nằm trong màn bí mật. Những năm gần đây, Cộng hòa Liên bang Nga đã công bố một số lượng lớn các tài liệu lưu trữ về sự can dự của Liên Xô trong các cuộc chiến tranh cục bộ ở nhiều nơi trên thế giới; nhờ thế, giới nghiên cứu có thêm cơ sở, điều kiện để hình dung và luận giải rõ hơn về lực lượng chuyên gia quân sự Xô-viết trong chiến tranh Việt Nam.

1- Quyết định gửi chuyên gia quân sự sang Việt Nam

Cuối những năm 50 (XX), Việt Nam, Đông Dương không thuộc khu vực quan tâm và ưu tiên chiến lược của Liên Xô. Quan hệ Xô –Việt khá mờ nhạt so với quan hệ của Liên Xô với những nước châu Á khác. Tháng 12-1963, khi quyết định một số vấn đề quan trọng về đường lối cách mạng Việt Nam, về quan hệ quốc tế, Hội nghị lần thứ 9 BCH Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã nâng cao quan điểm về "chủ nghĩa xét lại hiện đại", coi đó là nguyên nhân chính làm "tổn thương nặng đến tình đoàn kết, hữu nghị giữa các nước anh em, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc, đánh vào trụ cột đoàn kết của cả phe ta" [1]. Kết luận đó khiến Liên Xô không hài lòng, có phản ứng gay gắt, "cắt giảm viện trợ kinh tế cho Việt Nam tới 30% và đòi Việt Nam gấp rút thanh toán những món nợ hiện có" [2]. Quan hệ Việt - Xô xấu đi trông thấy, rơi xuống mức thấp nhất trong lịch sử quan hệ hai nước.

Cuối những năm 1964 - đầu năm 1965, diễn ra một số sự kiện làm biến đổi căn bản thái độ của Moscow đối với Hà Nội. Tháng 10-1964, N.Khorusov thôi giữ cương vị lãnh đạo, Ban lãnh đạo mới lên nắm quyền. Dù không công khai tuyên bố từ bỏ chính sách đối ngoại "cùng tồn tại hòa bình", nhưng Ban lãnh đạo của Liên Xô khẳng định lại vai trò trụ cột đối với phong trào giải phóng dân tộc. Sự kiện Vịnh Bắc Bộ (1964) đã khiến Liên Xô nhận thức lại vấn đề Việt Nam, nhất là khi ảnh hưởng của Trung Quốc ở nơi đây đang tăng mạnh. Trong tình hình đó, nếu Liên Xô không có bước chuyển chiến lược kịp thời, rất có thể vị trí của Liên Xô tại khu vực sẽ ngày càng hạn chế và Liên Xô khó có cơ hội kiềm chế Trung Quốc – một đối thủ cạnh tranh nặng ký và không dễ đối phó.

Cân nhắc tương quan lực lượng thế giới, lợi ích khu vực và lợi ích chiến lược toàn cầu, Liên Xô điều chỉnh chính sách đối ngoại, khởi động lại chính sách châu Á với điểm đến là Việt Nam. Tháng 2-1965, Đoàn đại biểu cấp cao Liên bang CHXHCN Xô-viết do Chủ

tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô A.N. Kosygin dẫn đầu đã đặt chân tới Việt Nam sau nhiều năm vắng bóng các chuyên viên thăm cấp cao. Đây sự kiện bước ngoặt quan trọng trong quan hệ Xô – Việt vốn trước đó khá băng giá, nhằm hướng tới mục tiêu xây dựng nền tảng mới cho quan hệ đồng minh, đưa quan hệ này vào một giai đoạn phát triển khác biệt căn bản so với trước đây. Trong các cuộc thảo luận giữa A.N. Kosygin với Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng và các lãnh đạo cấp cao của Việt Nam, việc làm rõ các chi tiết trong quan hệ giữa hai nước gắn với các vấn đề quân sự là nội dung trọng tâm, thường xuyên và quan trọng. *Tuyên bố chung* được ký kết cuối chuyến thăm của A.N. Kosygin là một minh chứng sinh động về sự nồng ấm trở lại trong quan hệ Việt – Xô: “Liên Xô không thờ ơ với an ninh của một nước xã hội chủ nghĩa anh em và sẵn sàng ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam”[3]. Liên Xô và Việt Nam đã đạt được thỏa thuận trên hai vấn đề cơ bản: 1- Liên Xô cam kết cung cấp vũ khí chống lại sự tấn công bằng không lực của Hoa Kỳ, củng cố khả năng phòng thủ của Việt Nam; 2- Liên Xô sẽ thỏa thuận với Trung Quốc về kế hoạch phối hợp hành động giúp đỡ Việt Nam[4]. Hai bên đồng ý tổ chức cơ chế tham vấn thường xuyên về những vấn đề quan trọng. Cuối tháng 2-1965, Liên Xô quyết định viện trợ tăng cường cho Việt Nam, tăng số lượng và chủng loại vũ khí trang bị; đồng thời, đề nghị gửi Một lữ đoàn tên lửa, hai trung đoàn phòng không và các đơn vị kỹ thuật, bảo đảm; một phân đội máy bay MiG-21 (trong đó có 12 máy bay chiến đấu), một tiểu đoàn địa cầu, một tiểu đoàn trinh sát kỹ thuật”[5] sang bảo vệ khu vực Hà Nội, Hải Phòng. Để tránh va chạm với Trung Quốc, Hà Nội quyết nghị không nhận các đơn vị chiến đấu của Liên Xô, chỉ đề nghị cử chuyên gia sang giúp và xin trang bị. Cuối cùng, Liên Xô đồng ý cử 290 chuyên gia giúp huấn luyện kỹ thuật cho lữ đoàn tên lửa phòng không, 14 chuyên gia huấn luyện phi công và nhân viên kỹ thuật hàng không, 14 chuyên gia huấn luyện hải quân, tổng số tất cả là 318 người [6].

Tháng 4-1965, Lê Duẩn dẫn đầu đoàn đại biểu cấp cao gồm những tên tuổi quan trọng của Đảng Lao động Việt Nam (Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh) đến Liên Xô. Chuyến thăm đã đạt được những kết quả to lớn trên nhiều phương diện. Hai nước nhất trí “tiến một bước xa hơn nhằm bảo vệ chủ quyền và an ninh của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và triển khai những biện pháp thích hợp thực hiện mục đích”[7]. Hai bên đã ký thỏa thuận về viện trợ quân sự, về việc gửi các chuyên gia quân sự Liên Xô sang Việt Nam. *Thông cáo chung* được ký kết nhân chuyến thăm có đoạn viết: “Một khi các thế lực xâm lược Mỹ đẩy mạnh chiến tranh chống lại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong những trường hợp cần thiết, nếu như Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa yêu cầu, Chính phủ Liên Xô sẽ cho phép những công dân Liên Xô có tình cảm quốc tế vô sản sâu sắc, mong muốn được chiến đấu cho sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam, được lên đường tới Việt Nam”[8]. Có thể coi đây là tuyên bố chính thức về sự giúp đỡ toàn diện, thậm chí là bao gồm cả nguồn lực con người đối với Việt Nam, dù Liên Xô biết rằng

sự hiện diện của các chuyên gia quân sự Xô-việt tại đây là một mạo hiểm cho hòa hoãn Xô – Mỹ.

Theo tinh thần *Thông cáo chung*, Liên Xô lập tức có những hành động thực tế: Ngày 6-7-1965, Hội đồng Bộ trưởng Liên bang Cộng hòa XHCN Xô-việt ban hành Quyết định № 525-200, *Về việc thành lập Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*[9]. Quyết định № 525-200 nêu rõ nhiệm vụ của Đoàn chuyên gia “trong thời gian ngắn nhất, giảng dạy và huấn luyện lực lượng Phòng không - không quân Quân đội Nhân dân Việt Nam đủ khả năng tác chiến”[10]. Tuy nhiên, trước khi Quyết định № 525-200 được ban hành và có hiệu lực, công tác chuẩn bị gửi chuyên gia quân sự sang Việt Nam đã được Nhà nước Xô viết, Bộ Quốc phòng Liên Xô khẩn trương xúc tiến, thực hiện theo một kịch bản khá hoàn hảo, kỹ lưỡng. Ngày 5-1-1965, Chính phủ Liên Xô ban hành Nghị định № 890-317, *Về việc tăng tiền trợ cấp cho các sĩ quan thuộc lực lượng đặc biệt*[11] và bắt đầu công tác lựa chọn chuyên gia. Các chuyên gia quân sự phải trải qua các đợt giám định y khoa nghiêm ngặt, trải qua nhiều đợt kiểm tra của các Ủy ban quân sự, Hội đồng quân sự các cấp với yêu cầu cao về sức khỏe, về trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị Ứng viên vào các vị trí chỉ huy được lựa chọn gắt gao hết sức và bắt buộc phải qua được "cửa ải" khắt khe của Tổng cục 10[12], Bộ Tổng tham mưu và sau đó là cuộc phỏng vấn – thẩm định của Tổng tham mưu trưởng lực lượng vũ trang Xô-việt. Hầu hết các chuyên gia đều là những sĩ quan, hạ sĩ quan đã từng tham gia cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại và chiến tranh Triều Tiên 1953, được tôi luyện, dày dặn kinh nghiệm chiến đấu, có trình độ kỹ thuật – quân sự cao và là vốn quý của lực lượng vũ trang Liên Xô. Sau khi được lựa chọn, các chuyên gia thực hiện chế độ luyện tập quân sự thường xuyên, rèn luyện thể lực, nghiên cứu điều lệnh tác chiến, các hướng dẫn khai thác, sử dụng vũ khí, khí tài. Công tác này được tiến hành hoàn toàn bí mật, đích đến cuối cùng của “chuyến biệt phái” chỉ được biết vào phút chót và tính bảo mật được tuân thủ cho đến khi chuyên gia Liên Xô rút khỏi Việt Nam. Trước khi bay sang Việt Nam, tất cả các chuyên gia quân sự Liên Xô đều được quán triệt rằng, “hoạt động chiến đấu của họ tại các trận địa, số lượng máy bay Mỹ bị bắn rơi, quan hệ công việc cụ thể với các chiến sĩ Việt Nam sẽ là hòn đá tảng cho việc cải thiện các quan hệ chính trị, ngoại giao và tăng cường quan hệ hữu nghị với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”[13].

Sau thời gian chọn lựa, Ban chỉ huy Đoàn chuyên gia quân sự đầu tiên đã được xác định, gồm: Chỉ huy trưởng Thiếu tướng G.A. Belov (từ tháng 9-1965 đến tháng 10-1967); Phó Chỉ huy trưởng phụ trách chính trị Đại tá M. Borisenko và Trưởng nhóm chuyên gia Phòng không Đại tá A.M. Durza (từ tháng 4-1965 đến tháng 9-1965). Từ năm 1967 đến năm 1975, Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô tại Việt Nam qua các thời kỳ là: Thượng tướng Abramov (1967-1969; Trung tướng B.A. Stolnikov (1968-1970); Thiếu tướng N.K. Maksimenko (1970-1972) và Thượng tướng A. I.Hyupenen (1972-1975)

[14]. Ban đầu, trong thành phần Đoàn chuyên gia quân sự chỉ có các chuyên gia về tên lửa phòng không, kỹ thuật vô tuyến điện, về máy kiểm tra - đo đạc..., sau này còn có thêm phi công, lực lượng kỹ thuật - kỹ sư, các chuyên gia hải quân, chuyên gia xe tăng, các chuyên gia y tế....

Các chuyên gia được tiêm chủng theo các quy định của y tế thế giới (kèm theo giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế), được phát quần áo thường phục, được hưởng 100% lương do Nhà nước Xô-viết trả (số lương được chuyển về gia đình). Tại Việt Nam, mỗi chuyên gia được nhận tiền lương của Nhà nước Việt Nam tùy theo thang bậc quân hàm và chức vụ. Trước ngày các chuyên gia quân sự lên đường “thực hiện Việt Nam bí mật”, thẻ Đảng được gửi lại Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, mọi giấy tờ công vụ được chuyển về Tổng cục 10, Bộ Tổng tham mưu, khi đến Việt Nam, các giấy tờ còn lại lưu giữ tại Đại sứ quán Liên Xô.

2- Các chuyên gia quân sự Liên Xô tác nghiệp tại Việt Nam

Sau một thời gian nỗ lực chuẩn bị, tháng 4-1965, Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô đầu tiên có sĩ số 100, dưới sự chỉ huy của Đại tá A.M. Durza đã đến Việt Nam với nhiệm vụ “trong thời hạn ngắn nhất, huấn luyện và đưa vào chiến đấu hai trung đoàn Phòng không Quân đội Nhân dân Việt Nam”[15]. Cũng trong tháng 4-1965, Trung tâm huấn luyện quân sự dưới sự chỉ huy của Đại tá M. Sargankov đã sang đến Việt Nam; trên cơ sở đó, hình thành hai Trung tâm huấn luyện quân sự số 1 và 2. Từ ngày mùng 1-5 đến 15-5-1965, Bộ Quốc phòng Liên Xô gửi đến Việt Nam thêm hai Trung tâm huấn luyện quân sự[16] và trong một thời gian ngắn, cả bốn Trung tâm đã đi vào hoạt động. Từ tháng 6-1965 đến tháng 5-1967, “Bộ Quốc phòng Liên Xô đã gửi sang Việt Nam thêm 6 Trung tâm huấn luyện tên lửa – phòng không, mỗi một Trung tâm đảm nhiệm huấn luyện một trung đoàn Phòng không Việt Nam”[17]. Trong hai năm 1965-1966, “các chuyên gia quân sự Liên Xô đã đào tạo được 10 trung đoàn tên lửa phòng không, 3 trung đoàn kỹ thuật vô tuyến, 2 trung đoàn không quân tiêm kích”[18]. Để có được kết quả nêu trên, “từ tháng 4-1965 đến tháng 5-1966, đã có 2.266 chuyên gia Phòng không Liên Xô đến Việt Nam”[19], còn tính đến tháng 12-1968, tổng cộng tất cả là 3.019 người [20].

Các *chuyên gia phòng không* Liên Xô biên soạn chương trình huấn luyện, đề cương, kế hoạch từng buổi lên lớp và phải làm việc trong điều kiện khí hậu, thời tiết, điều kiện sinh hoạt hết sức khó khăn. Tuy nhiên, họ luôn làm việc “với ý thức trách nhiệm cá nhân trước công việc được giao phó và lòng tự hào thầm lặng, ẩn kín bên trong về đất nước mình”[21]. Mỗi chuyên gia làm việc bằng hai, thậm chí bằng ba người, ngày làm việc kéo dài hơn 12 tiếng, thời gian nghỉ ngơi cũng luôn được dành để “tham vấn cá nhân”, hoặc để dạy thêm các môn toán, hóa, kỹ thuật điện... cho các học viên Việt Nam. Vì thiếu trầm trọng phiên dịch và một số phiên dịch chưa thông thạo những thuật ngữ chuyên môn, nên công tác huấn

luyện các chiến sĩ Phòng không Việt Nam được tiến hành theo kiểu “cầm tay chỉ việc. Trong giảng dạy, các chuyên gia Liên Xô triệt để sử dụng tranh minh họa, các sơ đồ, tập trung huấn luyện kỹ thuật bắn tên lửa, kỹ năng chỉ huy phối hợp tác chiến cấp tiểu đoàn, trung đoàn, nhóm trung đoàn”. Khi các chiến sĩ Việt Nam đã tiếp thu và sử dụng thành thạo kỹ thuật, các chuyên gia Liên Xô chuyển sang vai trò cố vấn ngay tại chỗ và đào tạo lớp chiến sĩ mới với những kỹ thuật luôn luôn được cải tiến, hoàn thiện tại các Viện nghiên cứu và thiết kế ở Liên Xô. Sau khi hoàn thành các khóa huấn luyện cấp tốc với khoảng thời gian ngắn nhất (lúc đầu dự định là 8 tháng, sau rút xuống 6 tháng và cuối cùng thực tế huấn luyện chỉ còn 2,5 tháng), Bộ Quốc phòng Việt Nam quyết định thành lập các trung, tiểu đoàn hỏa lực, nhanh chóng chiếm lĩnh trận địa. Tuy đã trải qua thời gian học tập, huấn luyện tích cực, song vào thời điểm đó, nếu chỉ có bộ đội Việt Nam thì lực lượng Phòng không - không quân Việt Nam còn khá mỏng, chưa đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu. Bộ Quốc phòng Việt Nam và Ban Chỉ huy Đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô thông qua quyết định gấp rút thành lập các khẩu đội chiến đấu có quân số rút gọn với sự tham gia của chuyên gia quân sự Liên Xô và số chuyên gia còn thiếu đã được Liên Xô gửi gấp sang [22]. Cuối tháng 7-1965, các Trung tâm huấn luyện được biên chế vào các trung đoàn Phòng không của Quân đội Nhân dân Việt Nam, nhận các trang thiết bị cần thiết từ Liên Xô và cùng tham gia chiến đấu. Thời kỳ đầu, mỗi trung đoàn Phòng không Việt Nam có khoảng 50 chuyên gia Liên Xô cùng tác nghiệp; sau đó, khi các chiến sĩ Phòng không Việt Nam đã sử dụng vũ khí, khí tài thành thục, tác chiến độc lập thành công, số chuyên gia Liên Xô rút xuống còn từ 10-15 người[23].

Vũ khí, khí tài Liên Xô viện trợ cho Việt Nam được tháo rời và vận chuyển bằng đường hàng không, đường bộ và đường biển tới Việt Nam; bên cạnh đó, độ ẩm ở Việt Nam lớn, nhiệt độ cao, khí tài vận hành gần như không ngừng nghỉ, lại chịu sự đánh phá thường xuyên của máy bay địch; do vậy, cần phải được lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra mức độ sẵn sàng chiến đấu. Đáp ứng yêu cầu đó, các chuyên gia kỹ thuật Xô-việt lắp ráp, thực hiện kiểm tra định kỳ đối với các loại khí tài theo đúng quy trình. Tuy nhiên, do tần suất đánh phá của máy bay Mỹ dày đặc, nên công tác kiểm tra định kỳ trở nên hết sức khó khăn và được thực hiện linh hoạt, song luôn đảm bảo đúng chỉ định. Các chuyên gia kỹ thuật tích cực sửa chữa và phục hồi các khí tài bị hư hại, hoàn thành những loại công việc mà ngay tại Liên Xô, để thực hiện chúng cần phải có những thiết bị đặc biệt đặt trong những xưởng cố định. Công việc bảo trì được các chuyên gia tiến hành từ khoảng 18h và kết thúc lúc nửa đêm, từ 3h sáng trở đi là chuỗi công việc kiểm tra khí tài, chuẩn bị chiến đấu. Riêng việc kiểm tra khí tài được thực hiện theo quy trình soạn thảo riêng cho Việt Nam, phù hợp điều kiện thực tiễn và đặc thù chiến đấu. Ngoài những nhiệm vụ thường xuyên nói trên, các chuyên gia kỹ thuật còn trực tiếp huấn luyện đội ngũ kỹ thuật viên Việt Nam, đưa ra những

khuyến cáo về vận hành, giải thích các quy tắc kỹ thuật, hình thành ở các học viên kỹ năng hoạt động.

Cùng làm nhiệm vụ huấn luyện, tại sân bay quân sự Nội Bài, các phi công Liên Xô hướng dẫn, huấn luyện các chiến sĩ Không quân Việt Nam kỹ thuật bay. Các phi công Liên Xô thường xuyên hoạt động trong tình trạng quá tải, làm việc tới hơn 12 giờ đồng hồ và nhiều hơn thế/ngày, bay trên những chiếc máy bay kiểu Xpáccơ không được trang bị vũ khí, hoặc những máy bay chiến đấu MiG-21U trong tình trạng bất cứ lúc nào sân bay cũng có thể bị tấn công và những chiếc Xpáccơ có tốc độ chậm có thể bị bắn hạ. Hàng đêm, các phi công Liên Xô thực hiện xoay vòng khoảng 20 chuyến bay huấn luyện, hoặc nhiều hơn; hàng ngày thực hiện các chuyến bay thử nghiệm kiểm tra sau khi bảo trì trong mọi điều kiện thời tiết, thậm chí đôi khi thực hiện nhiệm vụ chiến đấu trực tiếp [24]. Không hiếm trường hợp máy bay bay luyện tập do chuyên gia Liên Xô điều khiển bị máy bay Mỹ truy đuổi và các phi công đã phải hạ cánh thẳng xuống sân bay, không có các thiết bị định vị.

Trong chiến tranh Việt Nam, các phương tiện kỹ thuật quân sự hiện đại được cả hai bên tham chiến sử dụng rộng rãi. Quân đội Mỹ đã tiến hành tại Việt Nam các hoạt động quân sự hết sức đa dạng, từ tác chiến điện tử, hàng rào bom mìn đến do thám, tình báo... Nhằm giúp Việt Nam đối phó một cách hiệu quả với những thủ đoạn chiến tranh của Mỹ, *chuyên gia khoa học quân sự* Liên Xô với nhiều chuyên ngành khác nhau đã tới Việt Nam.

Cuối năm 1966 đầu năm năm 1967, Không quân Mỹ đã sử dụng các hình thức gây nhiễu với cường độ mạnh và sử dụng tên lửa chống ra đa; đồng thời, khống chế các tổ hợp tên lửa phòng không Việt Nam bằng các phương tiện vô tuyến điện tử trên tất cả các băng tần, sử dụng các hình thức gây nhiễu đối với sóng vô tuyến áp trong khi các tổ hợp tên lửa phòng không S-75 chưa được bảo vệ tốt. Trước tình hình đó, tháng 6-1967, Chính phủ Việt Nam đề nghị Liên Xô gấp rút gửi gấp sang số khí tài quân sự trong kế hoạch viện trợ năm 1967; đặc biệt là các khí tài chống nhiễu, các trạm radar SNAR-6, các loại khí tài bổ sung [25]. Nhận được yêu cầu, Liên Xô không chỉ nhanh chóng đáp ứng về vật chất, mà còn gửi sang Việt Nam nhóm chuyên gia khoa học tên lửa và nhóm chuyên gia công nghiệp quốc phòng (8-1967); trong đó có nhà khoa học tài năng phụ trách thiết kế tên lửa S-75 và chuyên gia quân sự “huyền thoại I.P.Shavkun” [26]. Các chuyên gia quân sự Liên Xô “nghiên cứu chiến thuật, phương thức và phương pháp hoạt động chiến đấu của Không quân Mỹ, nghiên cứu các phương tiện chiến đấu mới địch đang sử dụng” [27], nhằm tìm ra biện pháp giảm bớt hoặc loại trừ hiệu quả các phương tiện ấy. Các chuyên gia đã nhanh chóng xác định những biện pháp đối phó với loại tên lửa tự tìm mục tiêu Shrike, đưa ra khuyến cáo đối với khâu phóng các tên lửa trong điều kiện kẻ địch sử dụng tên lửa chống radar Shrike, đề xuất những cải tiến quan trọng đối với hệ thống tên lửa phòng không S-75.

Để giúp Việt Nam đối phó với cuộc chiến điện tử, gây nhiễu không chế hệ thống tên lửa phòng thủ, tháng 5-1968, Đoàn chuyên gia quân sự gây nhiễu và tác chiến điện tử do Trung tá V.X. Kixilov chỉ huy bay sang Việt Nam [28]. Triển khai nghiên cứu ở khu vực không quân Mỹ hoạt động tích cực nhất, dù thiếu những khí tài tối tân, song phát huy mọi khả năng, các chuyên gia đã sáng tạo ra những thiết bị kỹ thuật; nhờ đó, nhanh chóng “xác định rõ cơ chế tác động của nhiễu đối với hệ thống bám sát mục tiêu, tìm ra nguyên nhân làm cho tên lửa kém hiệu quả”[29]. Kết quả được chuyển giao cho Bộ Tư lệnh Binh chủng Phòng không - không quân Quân đội Nhân dân Việt Nam. Các chuyên gia điện tử Xô-viết tổ chức các buổi học nâng cao nghiệp vụ cho các chuyên viên Việt Nam. Nội dung giảng dạy “được thảo luận, lựa chọn cho phù hợp điều kiện và trình độ của học viên và được Trường đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô phê chuẩn”[30].

Trong không khí chiến tranh Lạnh bao trùm toàn cầu, việc nắm bắt các bí mật vũ khí, khí tài hiện đại trở thành yêu cầu cấp thiết. Do vậy, giúp đỡ Việt Nam về quân sự, các nhà lãnh đạo Liên Xô còn quan tâm tới cơ hội thu thập thông tin về vũ khí của Mỹ và thử nghiệm vũ khí của Liên Xô trên chiến trường Việt Nam. Tháng 8-1965, trong cuộc hội đàm với Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Thứ trưởng Quốc phòng Trần Sâm, Đại sứ Liên Xô Serbacov và chuyên viên quân sự Liên Xô tại Việt Nam Ivanov đề nghị Việt Nam hợp tác cùng Liên Xô tìm hiểu tính năng kỹ thuật, chiến thuật, cách chế tạo và phương pháp sử dụng những loại vũ khí, trang bị quân sự của Mỹ đã và đang sử dụng ở Việt Nam [31]. Được sự đồng ý của Việt Nam, trong năm 1965, Tổng cục 10, Bộ Tổng tham mưu Quân đội Liên Xô đã thành lập *nhóm chuyên gia quân sự thu thập, nghiên cứu chiến lợi phẩm của Mỹ*. Tháng 10-1965, Đoàn chuyên gia khoa học quân sự, “gồm các chuyên viên cao cấp của các Học viện quân sự và Viện nghiên cứu khoa học Bộ Quốc phòng, các chuyên gia - cán bộ thiết kế ngành công nghiệp quốc phòng, chuyên gia điện tử, thiết bị dẫn đường và thông tin liên lạc”[32]... đã sang Việt Nam và lập tức bắt tay thu thập đạn, mìn chưa nổ, các loại súng ống, phé liệu của các máy bay Mỹ bị bắn rơi, kiểm tra những trường hợp vũ khí của Liên Xô hoạt động chưa tốt và gửi những mẫu hữu ích nhất về Moscow. Từ năm 1965 đến năm 1974, Liên Xô đã gửi sang Việt Nam tất cả 40 chuyên gia quân sự cao cấp Liên Xô các ngành công nghiệp quốc phòng cho mục đích trên[33]. Để hoàn thành nhiệm vụ, Đoàn chuyên gia trực tiếp làm việc tại hiện trường trong hoàn cảnh thiếu các thiết bị chuyên dụng, nguy hiểm luôn rình rập. Từ tháng 5-1965 đến tháng 1-1967, nhóm chuyên gia đã “lượm lặt, lựa chọn và gửi về Liên Xô hơn 700 chủng loại thiết bị quân sự và vũ khí Mỹ”[34]. Trên cơ sở những dữ liệu thu thập được, các chuyên gia quân sự Liên Xô biên soạn những tài liệu quân sự giá trị, “đưa những đề xuất điều chỉnh các loại vũ khí của Liên Xô có tính năng phù hợp hoặc vượt trội chống lại trang thiết bị quân sự của Mỹ”[35]. Các thuyết minh và mẫu vật được nhóm chuyên gia gửi về Liên Xô đã góp phần cải tiến các loại vũ khí, khí tài đang sử dụng trên chiến trường Việt Nam, “cho phép giảm đáng kể chi phí và thời gian nghiên

cứu sản xuất những vũ khí tương tự, thúc đẩy nền công nghiệp quốc phòng Xô-việt phát triển nhanh chóng”[36].

Nhằm giúp Việt Nam chống lại chiến lược phong tỏa bờ biển của Mỹ, rà phá bom mìn trên các cửa cảng, theo đề nghị của Việt Nam, tháng 8-1972, Liên Xô cử một tổ 4 người sang nghiên cứu; tháng 10-1972, Liên Xô cử thêm 18 người cùng với 36 tấn khí tài mò lặn [37]. Tuy nhiên, do chưa quen với các loại bom mìn mới của Mỹ, nên hiệu quả công tác rà phá không cao, mặc dù các chuyên gia làm việc rất tích cực, nhiệt tình.

Từ cuối năm 1974, với những thay đổi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, lực lượng chuyên gia quân sự Liên Xô rút dần và quy chế "chuyên gia quân sự Liên Xô" được thay bằng quy chế "cố vấn quân sự Liên Xô"; chức vụ Trưởng đoàn chuyên gia quân sự Liên Xô thay bằng chức vụ Trưởng đoàn cố vấn quân sự bên cạnh Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam [38].

3- Cải tiến và ứng dụng kỹ thuật quân sự - kinh nghiệm từ Việt Nam

Nhận sự ủy thác của Nhà nước Xô-việt, tham gia vào chiến tranh Việt Nam, chuyên gia quân sự Liên Xô đã cống hiến sức lực, trí tuệ, thậm chí tính mạng với mong muốn giúp những người anh em Việt Nam rút ngắn quãng đường đi tới nền hòa bình hằng mong đợi. Với sự giúp đỡ của các chuyên gia quân sự Liên Xô, Việt Nam đã xây dựng được hệ thống Phòng không – không quân hiện đại, hùng mạnh với binh chủng tên lửa phòng không, pháo cao xạ, các phi đội máy bay tiêm kích, binh chủng kỹ thuật vô tuyến, hệ thống các đài chỉ huy và các phương tiện liên lạc. Trong khói lửa chiến tranh Việt Nam, chuyên gia quân sự Liên Xô đã cùng với các chuyên gia Việt Nam nghiên cứu, tích cực cải tiến, phát triển hệ thống phòng thủ phòng không - không quân của Việt Nam trên hai phương diện: Kỹ thuật và chiến thuật.

Về *kỹ thuật*, chuyên gia hai nước đã cải tiến các đài trinh sát, hiện đại hóa các bộ khí tài tên lửa phòng không, mở rộng đáng kể các tính năng chiến đấu của tên lửa, mở rộng tầm tiêu diệt và khả năng đối phó với các máy bay có sử dụng biện pháp cơ động tránh tên lửa. Nhờ công sức đóng góp của các chuyên gia, “trong tất cả các bộ khí tài tên lửa phòng không đều đã có những cải tiến, hoàn thiện có tác dụng nâng cao khả năng chống nhiễu của mạch hồi trong đài điều khiển tên lửa; đã làm tăng 2,5 - 3 lần độ điều khiển chính xác tên lửa nhằm vào mục tiêu đang cơ động; sử dụng chế độ thông tin giả trong mạch của máy vô tuyến phát lệnh”[39]. Các chuyên gia còn đưa ra biện pháp phòng tránh tên lửa chống ra da bằng cách sử dụng các phương tiện phát sóng đánh lạc hướng và một loạt biện pháp có tính chất tổ chức - kỹ thuật như chỉnh lại các tần số làm việc của đài điều khiển tên lửa, của các thiết bị phản hồi, nâng cao công suất các máy phát tín hiệu phản hồi của tên lửa. Ngày 30-3-1968, sau khi cải tiến khối điều khiển FR-15 của tên lửa S-75, một máy bay F-111A của Mỹ bị tên lửa S-75 Dvina bắn rơi. Sự kiện này quan trọng đến mức nó được Bộ trưởng Bộ Quốc

phòng Liên Xô Andei Grechko báo cáo trực tiếp lên Tổng bí thư L.Breznev. Từ năm 1965 đến năm 1972, “hệ thống rada của S-75 (SAM-2) đã được cải tiến 4 lần với 40 nội dung kỹ thuật để bắt kịp cuộc chiến tranh điện tử của Không quân Mỹ”[40]. Những cải tiến kỹ thuật nêu trên đảm bảo cho bộ đội Phòng không Việt Nam đạt hiệu quả cao trong chiến đấu, khiến “quân Mỹ bị tổn thất 1 máy bay/60 lần chiếc xuất kích (trong chiến tranh Triều Tiên không quân Mỹ bị tổn thất 1 máy bay/750 lần chiếc xuất kích)”[41], chấm dứt sự thống trị của B-52, F-111, F-105... trên bầu trời và những cuộc ném bom không bị trừng phạt xuống miền Bắc Việt Nam.

Về *chiến thuật*, các chuyên gia quân sự Liên Xô phối hợp với binh chủng Phòng không Việt Nam áp dụng rộng rãi phương pháp cơ động tiểu đoàn tên lửa, tổ chức phục kích, bất ngờ phóng tên lửa vào máy bay địch, thiết lập trận địa giả đi đôi với áp dụng những nguyên tắc mới trong cấu tạo các cụm đơn vị tên lửa phòng không, tạo ra các cụm đơn vị tên lửa phòng không có cơ cấu hỗn hợp[42]. Các chuyên gia cũng chuyển từ phương pháp huấn luyện chiến đấu cho các trắc thủ của các khẩu đội sang phương pháp tổ chức hiệp đồng đồng bộ các khẩu đội, các đại đội, các tiểu đoàn, các đơn vị cho phù hợp các thay đổi chiến thuật.

Nhờ các cải tiến, phát triển kỹ thuật, chiến thuật “trong hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc 1965-1968 và 1972, các đơn vị tên lửa SAM-2 của Quân đội Nhân dân Việt Nam đã đánh 3.542 trận, trong đó có 588 trận đánh ban đêm; tiêu thụ 5.885 quả đạn; bắn rơi 788 máy bay của không lực Hoa Kỳ, 366 chiếc rơi tại chỗ; trong đó có 43 máy bay B-52; bình quân 7,1 quả đạn diệt được một máy bay, bảo đảm an toàn trong sử dụng và nâng cao độ chính xác khi chiến đấu”[43].

Kinh nghiệm tác chiến của các đơn vị tên lửa Phòng không -của không quân ở Việt Nam đã được phân tích, nghiên cứu kỹ lưỡng và được áp dụng rộng rãi trong công tác huấn luyện chiến đấu của Binh chủng Phòng không Liên Xô và ở tất cả các nước tham gia Hiệp ước Vácava. Bộ Quốc phòng Liên Xô đã cho soạn thảo và phát hành những bản thông báo kỹ thuật bằng nhiều thứ tiếng, phổ biến những tổng kết chiến tranh và những đề xuất về cải tiến cơ cấu các cụm đơn vị tên lửa phòng không trên cơ sở kinh nghiệm từ chiến tranh Việt Nam. Những thông tin thu thập được trong quá trình tác chiến ở Việt Nam đều được đem giảng dạy rộng rãi trong các trường quân sự của Liên Xô, kể cả tại các trường quân sự có các cán bộ quân sự nước ngoài theo học.

Các bộ khí tài tên lửa phòng không được các chuyên gia quân sự Liên Xô và Việt Nam cải tiến, hiện đại hóa đã giúp binh chủng tên lửa phòng không của Liên Xô và của những nước được cung cấp các bộ khí tài tên lửa ấy có bước nhảy vọt về chất lượng và hiệu quả hoạt động. Các chuyên gia quân sự Liên Xô đã tổng kết kinh nghiệm chiến tranh ở Việt Nam, nghiên cứu và áp dụng nguyên tắc mới trong cơ cấu các cụm đơn vị tên lửa phòng

không ở Liên Xô. Kinh nghiệm chiến đấu ở Việt Nam được phổ biến, áp dụng cho cuộc chiến tranh 7 ngày (6-1967) giữa Ai Cập (có Liên Xô đứng sau) và Israe. Ngoài ra, “Chính phủ Liên Xô quyết định sao chép một số kiểu vũ khí Mỹ, như tên lửa đạn đạo Sparrow-3, động cơ máy bay, các thiết bị điện tử trong ngành công nghiệp của Liên Xô”[44], đẩy nhanh kỹ thuật quân sự quốc phòng phát triển.

Dưới sự chỉ đạo của Thiếu tướng V. X. Kixhanxki - Trưởng nhóm chuyên gia tên lửa, một nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô đã tiến hành phân tích, hệ thống hóa và tổng kết kinh nghiệm tác chiến và xuất bản cuốn sách *Kinh nghiệm tác chiến của binh chủng tên lửa phòng không ở Việt Nam*. Ra đời ngày 23-2-1968, cuốn sách được phổ biến đến từng tiểu đoàn tên lửa và trong cuộc thi các tác phẩm khoa học quân sự mang tên M. V. Phrunze do Bộ Quốc phòng Liên Xô tổ chức (1972), cuốn sách đã được trao giải nhất và hiện vẫn đang được sử dụng trong các khoa chuyên ngành tại các trường quân sự Liên bang Nga.

Trong chiến tranh Việt Nam, theo thống kê của Tổng cục tác chiến, Bộ Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang Liên Xô, từ ngày 11-7-1965 đến ngày 31-12-1974 đã có 6.359 sĩ quan, tướng lĩnh và hơn 4.500 binh sĩ, hạ sĩ quan các lực lượng vũ trang Liên Xô tham gia chiến đấu; trong số đó, có 13 người đã hy sinh tại Việt Nam[45]. Vì lòng quả cảm, tinh thần chiến đấu quên mình, sự hy sinh cao cả và những đóng góp to lớn đối với nhân dân Việt Nam, từ năm 1965 đến năm 1973, 2.190 chuyên gia quân sự Liên Xô được tặng các phần thưởng của Nhà nước Liên Xô, hơn 3.000 chuyên gia quân sự Liên Xô được tặng thưởng các huân chương và huy chương của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”[46].

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 24, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 738.

[2] V.V. Ivanov: *Hợp tác Xô-Việt và lập trường của Trung Quốc những năm 1965-1967*, Tạp chí Nước Nga và Châu Á – Thái Bình Dương, № 4, 2010, tr. 69 (tiếng Nga).

[3] *Việt Nam-Liên Xô: 30 năm quan hệ 1950-1980*, Nxb. Tiến bộ, Matxcova, 1982, tr. 107.

[4] I.V Gaiduk: *Liên Xô và chiến tranh Việt Nam*, Nxb. Lịch sử, Matxcova, 1996, tr.22 (tiếng Nga).

[5] Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam: *Biên niên sự kiện Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 2003, tập 3, tr. 200.

[6] Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam: *Biên niên sự kiện Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Sđd, tập 3, tr.212.

[7] *Lịch sử Việt Nam*, narod.ru (tiếng Nga).

[8] *Những hiệp định và thỏa thuận giữa Liên Xô và Việt Nam*, Đại từ điển Bách khoa toàn thư, Nxb. Từ điển, Matxcova, 2005, tr.299-231 (tiếng Nga).

[9] *Sổ ghi chép các tài liệu giải mật của Trung tâm lưu trữ quốc gia Liên bang Nga*, Quyển số 7, mục I (tiếng Nga).

[10] *Sổ ghi chép các tài liệu giải mật của Trung tâm lưu trữ quốc gia Liên bang Nga*, Tlđđ.

- [11] *Việt Nam*, Tạp chí Điểm tin hoạt động vũ trụ, №4 (29) 2006 (tiếng Nga).
- [12] Tổng cục 10 là Tổng cục Hợp tác quân sự quốc tế, trực thuộc Bộ Tổng tham mưu các lực lượng vũ trang Liên Xô.
- [13] Z.A.Borisovich: *Chiến thắng không hề dễ dàng*, ArtOfWar.ru, 2-2011 (tiếng Nga).
- [14] B.V. Gromova (chủ biên): *Các cuộc chiến tranh và xung đột vũ trang nửa sau thế kỷ XX*, Matxcova, 2003, tr.40 (tiếng Nga).
- [15] Alexander Okorokov: *Những cuộc chiến tranh bí mật của Liên Xô*, Nxb. Yauza Eksmo, Matxcova, 2008, tr.247-248 (tiếng Nga).
- [16] Alexander Okorokov: *Những cuộc chiến tranh bí mật của Liên Xô*, Sđd, tr.247.
- [17] *Việt Nam*, Tạp chí Điểm tin hoạt động vũ trụ, Tlđd.
- [18] Tập thể tác giả: *Chiến tranh Việt Nam: Nhìn lại qua tháng năm...*, Matxcova, 2000 (tiếng Nga).
- [19] B.V. Gromova (chủ biên): *Các cuộc chiến tranh và xung đột vũ trang nửa sau thế kỷ XX*, Sđd, tr.47.
- [20] Bộ Tổng tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam: *Biên niên sự kiện Bộ Tổng tham mưu trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Sđd, tập 5, tr.610.
- [21] Z.A.Borisovich: *Chiến thắng không hề dễ dàng*, Tlđd.
- [22] Z.A.Borisovich: *Chiến thắng không hề dễ dàng*, Tlđd.
- [23] B.V. Gromova (chủ biên): *Các cuộc chiến tranh và xung đột vũ trang nửa sau thế kỷ XX*, Sđd, tr.45.
- [24] I.P. Ivanovik: *Những chiếc MiG trên bầu trời Việt Nam*, ArtOfWar.ru, 3-2012 (tiếng Nga).
- [25] Tài liệu lưu trữ Bộ Quốc phòng, Phòng Bộ Tổng tham mưu, Hồ sơ số 1146.
- [26] Tập thể tác giả: *Chiến tranh Việt Nam: Nhìn lại qua tháng năm...*, Tlđd.
- [27] S. A. Ivanovich: *Cuộc chiến tranh thứ ba của tôi*, ArtOfWar.ru, 4-2009 (tiếng Nga).
- [28] H.H. Kolecsnik: *Về sự tham gia của các chuyên gia quân sự Xô –viết trong chiến tranh Việt Nam*, ArtOfWar.ru, 5- 2009 (tiếng Nga).
- [29] *Chiến tranh Việt Nam...là như thế đó (1965 - 1973)*, Nxb. Eczamen, Matxcova, 2005, tr. 372 (tiếng Nga).
- [30] *Chiến tranh Việt Nam...là như thế đó (1965 - 1973)*, Sđd, tr. 378.
- [31] Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Quân ủy Trung ương, Hồ sơ 402.
- [32] *Chiến tranh Việt Nam...là như thế đó (1965 - 1973)*, Sđd, tr. 342.
- [33] B.V. Gromova (chủ biên): *Các cuộc chiến tranh và xung đột vũ trang nửa sau thế kỷ XX*, Sđd, tr.97.
- [34] C.G.Ivannovik: *Từ ghi chép của nhà thử nghiệm*, ArtOfWar.ru, 5-2009 (tiếng Nga).
- [35] I.V Gaiduk: *Liên Xô và chiến tranh Việt Nam*, Sđd, tr. 30
- [36] Tập thể tác giả: *Chiến tranh Việt Nam: Nhìn lại qua tháng năm...*, Tlđd.
- [37] *Tài liệu lưu trữ*, Trung tâm lưu trữ Bộ Quốc phòng, phòng Bộ Tổng tham mưu, hồ sơ số 163
- [38] *Chiến tranh Việt Nam...là như thế đó (1965 - 1973)*, Sđd, tr. 390.
- [39] *Chiến tranh Việt Nam...là như thế đó (1965 - 1973)*, Sđd, tr. 298.

- [40] *Bách khoa tri thức quốc phòng toàn dân*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr.418.
- [41] V.B.Alecsandrovik: *Nhật ký chỉ huy trưởng nhóm chuyên gia quân sự Liên Xô ở Việt Nam*, ArtOfWar.ru, 9-2008 (tiếng Nga).
- [42] K.V.Yakolevich: *Chiến tranh Việt Nam qua đánh giá của sĩ quan Sở chỉ huy lực lượng phòng không Liên Xô*, ArtOfWar.ru, 5-2009 (tiếng Nga).
- [43] Nghiêm Đình Tích (chủ biên), *Lịch sử bộ đội tên lửa phòng không (1965-2005)*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 2005, tr. 575-576.
- [44] I.V Gaiduk: *Liên Xô và chiến tranh Việt Nam*, Sđd, tr.30.
- [45] Александр Окороков: *Секретные войны Советского Союза*, Sđd, tr. 287.
- [46] Александр Окороков: *Секретные войны Советского Союза*, Sđd, tr. 287-288.

Nguồn: <https://www.researchgate.net/publication/299562859>

www.vietnamvanhien.org